

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG

Đại lộ Bình Dương, Phường Thuận Giao, Thị xã Thuận An
Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương (sau đây gọi tắt là "Công ty mẹ") và công ty con (Công ty mẹ và công ty con được gọi chung là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Phan Tấn Đạt	Chủ tịch
Ông Hoàng Văn Lộc	Thành viên
Ông Trần Ngọc Đính	Thành viên
Ông Châu Anh Tuấn	Thành viên
Ông Nguyễn Quốc Phòng	Thành viên (bổ nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2017)
Ông Ngô Thanh Tùng	Thành viên (miễn nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2017)

Ban Giám đốc

Ông Phan Tấn Đạt	Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Văn Lộc	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đặng Quang Thung	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Đình Hà	Phó Tổng Giám đốc
Ông Ngô Trọng Nghĩa	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Quốc Phòng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hoàn Sơn	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Thanh Mỹ	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2017)
Ông Phạm Văn Hiệp	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2017)
Ông Võ Đình Long	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2017)
Ông Lương Võ Hùng	Giám đốc Tài chính (bổ nhiệm ngày 19 tháng 5 năm 2017)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.



CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG

Đại lộ Bình Dương, Phường Thuận Giao, Thị xã Thuận An
Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Hay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Phan Tấn Đạt
Tổng Giám đốc
Ngày 30 tháng 3 năm 2018

2500

1 NH
ÔNG
NHIỆM
LỢI
T N
TP.H

Số: 577 /VN1A-HC-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương sau đây gọi tắt là "Công ty mẹ" và công ty con (công ty mẹ và công ty con được gọi chung là "Công ty") được lập ngày 30 tháng 3 năm 2018, từ trang 4 đến trang 27, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Võ Thái Hòa

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

kiểm toán số 0138-2018-001-1

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH

DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 30 tháng 3 năm 2018

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Nguyễn Trọng Thế

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

kiểm toán số 2649-2018-001-1

Tên Deloitte được dùng để chỉ một hoặc nhiều thành viên của Deloitte Touche Tohmatsu Limited, một công ty TNHH có trụ sở tại Anh, và mạng lưới các hãng thành viên - mỗi thành viên là một tổ chức độc lập về mặt pháp lý. Deloitte Touche Tohmatsu Limited (hay "Deloitte Toàn cầu") không cung cấp dịch vụ cho các khách hàng. Vui lòng xem tại website www.deloitte.com/about để biết thêm thông tin chi tiết về cơ cấu pháp lý của Deloitte Touche Tohmatsu Limited và các hãng thành viên.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

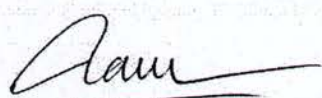
TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		693.264.287.788	354.297.890.614
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	316.146.668.225	79.261.665.888
1. Tiền	111		316.146.668.225	44.261.665.888
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	35.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		66.982.500.000	-
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5	66.982.500.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		237.097.315.602	217.580.868.242
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	112.041.318.632	97.135.687.194
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		13.669.475.350	5.020.899.803
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	7	30.000.000.000	110.000.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	87.369.435.667	7.025.412.405
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(5.982.914.047)	(1.601.131.160)
IV. Hàng tồn kho	140		63.562.667.732	48.533.388.688
1. Hàng tồn kho	141	10	63.562.667.732	48.533.388.688
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		9.475.136.229	8.921.967.796
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	8.884.311.120	8.921.967.796
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	12	590.825.109	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		737.266.061.900	619.408.176.616
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		19.817.602.561	10.592.835.633
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215		1.460.000.000	-
2. Phải thu dài hạn khác	216	8	18.357.602.561	10.592.835.633
II. Tài sản cố định	220		143.758.199.477	128.818.410.772
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	142.719.388.397	127.551.091.228
- Nguyên giá	222		342.702.233.503	325.149.262.562
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(199.982.845.106)	(197.598.171.334)
2. Tài sản cố định vô hình	227	14	1.038.811.080	1.267.319.544
- Nguyên giá	228		2.569.601.600	2.569.601.600
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.530.790.520)	(1.302.282.056)
III. Bất động sản đầu tư	230	15	196.725.983.369	203.572.660.877
- Nguyên giá	231		239.691.630.107	239.691.630.107
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(42.965.646.738)	(36.118.969.230)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		170.198.087.963	153.693.877.763
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	16	170.198.087.963	153.693.877.763
V. Tài sản dài hạn khác	260		206.766.188.530	122.730.391.571
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	200.738.842.612	116.665.469.393
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	17	6.027.345.918	6.064.922.178
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		1.430.530.349.688	973.706.067.230

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		672.122.960.848	364.476.207.359
I. Nợ ngắn hạn	310		137.651.812.722	100.470.725.682
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	18	28.094.135.847	21.628.613.823
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		3.044.201.250	3.399.882.995
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	12	32.223.545.741	25.029.984.351
4. Phải trả người lao động	314		3.130.200.236	4.431.396.125
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		221.728.366	1.938.154.419
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	19	14.504.890.445	8.066.595.232
7. Phải trả ngắn hạn khác	319		15.772.332.224	5.390.195.439
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		40.660.778.613	30.585.903.298
II. Nợ dài hạn	330		534.471.148.126	264.005.481.677
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	19	504.310.957.598	233.180.870.788
2. Phải trả dài hạn khác	337		23.460.938	500.000.000
3. Dự phòng phải trả dài hạn	342	20	30.136.729.590	30.324.610.889
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		758.407.388.840	609.229.859.871
I. Vốn chủ sở hữu	410	21	758.407.388.840	609.229.859.871
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		468.000.000.000	234.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		468.000.000.000	234.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.658.500	1.658.500
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		45.617.301.943	251.896.444.170
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		244.788.428.397	123.331.757.201
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước	421a		82.627.882.201	22.884.813.315
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		162.160.546.196	100.446.943.886
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		1.430.530.349.688	973.706.067.230



Nguyễn Hoàng Tâm
 Người lập biểu



Lương Võ Hùng
 Kế toán trưởng





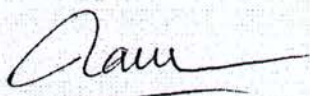
Phan Tấn Đạt
 Tổng Giám đốc
 Ngày 30 tháng 3 năm 2018

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

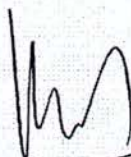
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		1.098.763.174.872	849.803.038.269
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		4.700.751.100	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	24	1.094.062.423.772	849.803.038.269
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	25	659.888.003.375	506.680.214.683
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		434.174.420.397	343.122.823.586
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	15.190.692.443	7.223.121.963
7. Chi phí tài chính	22		-	227.398.075
8. Chi phí bán hàng	25	28	60.474.015.399	60.892.951.395
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	47.200.098.763	34.459.489.334
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		341.690.998.678	254.766.106.745
11. Thu nhập khác	31		13.528.111.076	9.032.204.888
12. Chi phí khác	32		7.980.691.599	5.523.379.848
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		5.547.419.477	3.508.825.040
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		347.238.418.155	258.274.931.785
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	29	69.992.264.165	56.879.884.553
16. Chi phí/(thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	17	37.576.260	(4.367.396.654)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		277.208.577.730	205.762.443.886
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	32	5.035	3.678




Nguyễn Hoàng Tâm
 Người lập biểu



Lương Võ Hùng
 Kế toán trưởng




 Phan Tấn Đạt
 Tổng Giám đốc

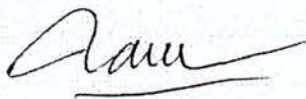
Ngày 30 tháng 3 năm 2018

1250
 HI NI
 CÔNG
 YNH
 ELOI
 IETI
 TP.1

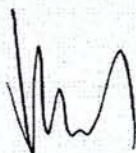
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	347.238.418.155	258.274.931.785
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	25.183.608.240	23.055.730.749
Các khoản dự phòng	03	4.193.901.588	(1.762.819.356)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(18.819.055.984)	(7.784.018.802)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	357.796.871.999	271.783.824.376
Tăng các khoản phải thu	09	(43.385.047.195)	(18.148.170.920)
Tăng hàng tồn kho	10	(15.029.279.044)	(2.313.028.052)
Tăng các khoản phải trả	11	304.396.318.354	66.713.404.278
Tăng chi phí trả trước	12	(54.685.412.180)	(30.309.918.197)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(76.628.823.046)	(52.542.340.396)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(61.796.173.446)	(15.328.943.105)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	410.668.455.442	219.854.827.984
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(150.994.819.847)	(85.695.119.174)
2. Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định, tài sản dài hạn khác	22	4.617.310.817	1.287.654.545
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(66.982.500.000)	(175.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay	24	80.000.000.000	65.000.000.000
5. Tiền thu lãi tiền gửi	27	15.736.555.925	7.204.752.508
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(117.623.453.105)	(187.202.712.121)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	(56.160.000.000)	(128.700.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(56.160.000.000)	(128.700.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	236.885.002.337	(96.047.884.137)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	79.261.665.888	175.309.550.025
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60)	70	316.146.668.225	79.261.665.888



Nguyễn Hoàng Tâm
 Người lập biểu



Lương Võ Hùng
 Kế toán trưởng



Phan Tấn Đạt
 Tổng Giám đốc
 Ngày 30 tháng 3 năm 2018

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

002-C
 ANH
 TY
 SỬU HẠ
 ITE
 AM
 S CHỈ